TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **140**/2026/QĐST-HNGĐ	*Huế, ngày 28 tháng 4 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HUẾ

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397 và Điều 212 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 137/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Đức Hoài Q, sinh năm 1997; số CCCD: 046097004569; địa chỉ: Số A D, tổ dân phố T, phường K, thành phố H.

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1997; số CCCD: 046197010286; địa chỉ: Kiệt B D, tổ dân phố T, phường K, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và căn cứ vào kết quả hòa giải ngày 20/4/2026, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức Hoài Q và chị Nguyễn Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường K, thành phố H) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/8/2019.

Qua hòa giải, vợ chồng thừa nhận không đoàn tụ được; hai bên thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần công nhận.

[2] Về con chung: Anh Q, chị N xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức Minh Q1, sinh ngày 19/8/2019. Hai bên thỏa thuận giao cháu Nguyễn Đức Minh Q1 cho anh Nguyễn Đức Hoài Q trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Q tạm thời không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Hai bên thỏa thuận anh Nguyễn Đức Hoài Q chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức Hoài Q và chị Nguyễn Thị Na thuận T ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức Minh Q1, sinh ngày 19/8/2019 cho anh Nguyễn Đức Hoài Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Q tạm thời không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản, nợ chung: Anh Q, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh Nguyễn Đức Hoài Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001097 ngày 07/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Anh Q đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 3-Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND phường Kim Trà;
- Lưu hồ sơ VDS;
- Lưu án văn HNGĐ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huế